TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THOẠI SƠN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/DS-ST
Ngày: 28/01/2021
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoài Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hòa

2. Bà Diệp Thị Thu Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Xuyên – Là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn: Bà Bùi Phương Anh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 137/2020/TLST-DS ngày 06/10/2020 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 250/2020/QĐXXST-DS ngày 22/12/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2021/QĐ-ST ngày 06/01/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Trinh T, sinh năm 1948

Địa chỉ: ấp V, xã V, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Số điện thoại: 0385.430.281

- Bị đơn: Bà Lê Thị Thu H, sinh năm 1957

Địa chỉ: ấp Đ, xã V, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Nguyên đơn bà T có mặt. Bị đơn bà H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện và biên bản lấy lời khai nguyên đơn bà Phạm Trinh T trình bày:

Bà có cho bà Lê Thị Thu H vay 04 lần tiền tổng cộng 100.000.000 đồng, cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 10/4/2011 cho vay 50.000.000 đồng.

Lần 2: Ngày 13/4/2011 cho vay 35.000.000 đồng.

Lần 3: Ngày 09/5/2012 cho vay 10.000.000 đồng.

Lần 4: Ngày 23/6/2012 cho vay 5.000.000 đồng.

Khi cho vay đều làm biên nhận, bà H có ký tên và hai bên thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng.

Từ khi vay bà H có đóng tiền lãi nhưng đóng nhiều lần và bà không có ghi sổ nên không nhớ có nhận của bà H bao nhiêu tiền lãi. Ngoài ra bà H cũng có trả được cho bà 33.000.000 đồng tiền vốn trong đó có số tiền 5.000.000 đồng theo biên nhận ngày 23/6/2012 (biên nhận này khi trả tiền bà H đã lấy lại nên hiện nay không còn) và còn nợ lại 67.000.000 đồng.

Nay bà Phạm Trinh T yêu cầu bà Lê Thị Thu H phải trả số tiền là 67.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa bà T thay đổi lời khai như sau: Đối với số tiền vay 5.000.000 đồng ngày 23/6/2012 bà H đã trả cho bà rồi và bà H cũng đã xé biên nhận; trong tổng số tiền bà H đã trả 33.000.000 đồng có 5.000.000 đồng này, do không hiểu biết nên khi khởi kiện bà đã không trừ số tiền này ra mà lại cộng hết vào. Như vậy, hiện nay bà chỉ kiện bà H 03 biên nhận ngày 10/4/2011, ngày 13/4/2011 và ngày 09/5/2012 với tổng số tiền vay là 95.000.000 đồng, bà H đã trả 28.000.000 đồng, còn lại 67.000.000 đồng đến nay chưa trả.

- Về phía bị đơn bà Lê Thị Thu H: Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho bà H nhưng từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay bà H vắng mặt và không có văn bản nào thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời hạn chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định đúng mối quan hệ pháp luật, thụ lý và giải quyết đúng theo quy định tại Điều 26, 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình thụ lý hồ sơ Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ khi tiến hành lập hồ sơ, ban hành các thông báo, xác định đúng tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng và tống đạt, niêm yết cho đương sự theo quy định tại Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử đúng theo Điều 203 và Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, đã tự từ bỏ quyền của mình.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, 466, 468 Bộ luật tố tụng dân sự 2015:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn bà Lê Thị Thu H trả cho bà Phạm Trinh T số tiền 67.000.000 đồng.

Bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Phạm Trinh T có đơn khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị Thu H phải trả số tiền vay 67.000.000 đồng. Bà Lê Thị Thu H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp Đ, xã V, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Xét, đây là quan hệ tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn bà Lê Thị Thu H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H.

[3] Về nội dung tranh chấp, thấy: Qua chứng cứ bà T cung cấp là các tờ biên nhận ngày 10/4/2011, ngày 13/4/2011 và ngày 09/5/2012 thể hiện bà T cho bà H vay với tổng cộng số tiền 95.000.000 đồng, các tờ biên nhận này đều do bà H viết, ký và ghi rõ họ tên. Các chứng cứ trên đều phù hợp với lời khai tại phiên tòa của bà T. Như vậy việc xác lập hợp đồng vay tài sản giữa bà T với bà H là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật nên phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, bà T cho rằng từ khi vay bà H chỉ trả cho bà được ít tiền lãi và 28.000.000 đồng tiền vốn, còn lại 67.000.000 đồng đến nay vẫn chưa trả mặc dù bà có đòi nhiều lần.

Trong quá trình giải quyết vụ kiện Tòa án đã nhiều lần mời bà H đến để hòa giải, đối chiếu các khoản nợ với nguyên đơn nhưng bà H vắng mặt không lý do. Như vậy phía bà H không cung cấp chứng cứ nào để phủ nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đồng thời đến thời điểm này cũng không cung cấp được bất kỳ chứng cứ nào thể hiện đã thực hiện xong số nợ trên cho nguyên đơn. Tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự quy định "Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn…". Như vậy việc bà H vay tiền của bà T nhưng không trả đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu khởi kiện của bà T là hoàn toàn có cơ sở và

phù hợp pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận buộc bà H có trách nhiệm trả 67.000.000 đồng cho bà T.

[4] Về lãi suất: Trong quá trình vay hai bên có thỏa thuận lãi suất 3%/tháng. Bà T thừa nhận có nhận tiền lãi của bà H nhưng không nhớ là bao nhiêu vì mỗi lần bà H trả lãi không đủ như thỏa thuận. Mặt khác tại phiên tòa bà T không yêu cầu xem xét về phần lãi, bị đơn bà H cũng không có văn bản nào thể hiện ý kiến về việc tranh chấp phần tiền lãi đã trả nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này các bên có tranh chấp về tiền lãi thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

[5] Từ những phân tích trên, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn là phù hợp.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, được chấp nhận nên bà H phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Trinh T.

Buộc bà Lê Thị Thu H có trách nhiệm trả cho bà Phạm Trinh T số tiền là 67.000.000 đồng (sáu mươi bảy triệu đồng).

2. Về án phí:

- Bà Lê Thị Thu H phải chịu 3.350.000 đồng (ba triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bà Phạm Trinh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Lê Thị Thu H có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày

kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKS huyện Thoại Sơn;
- Chi Cục THADS huyện Thoại Sơn;
- Các đương sự
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoài Lâm